

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 1951/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Lê Phước Dũng

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Lê Phước Dũng

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản, đựng trong túi

Mã số mẫu/Sample code : 2.449

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 25/02/2026

Ngày phân tích/Analysing date : 25/02/2026

Tên mẫu/ Sample name <sup>(1)</sup>	Chỉ tiêu/ Parameters <sup>(1)</sup>	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Dịch tôm (MF1 Shrimp Peptide Extract) (BNNPTNT29260045173)-H	Asen (As) tổng số (*)	mg/kg (LOQ=0;15)	<0,15	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)
	Chì (Pb) (*)	mg/kg (LOQ=0;6)	KPH	HDH-61 (Ref.TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015)
	Cadimi (Cd) (*)	mg/kg (LOQ=0;15)	<0,15	HDH-61 (Ref.TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015)
	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/kg (LOQ=0;05)	KPH	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)
	Ethoxyquin (*)	mg/kg (LOQ=0;1)	KPH	AOAC 996.13 (Sắc ký lỏng)

Cần Thơ, ngày/date: 28/02/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of 3K VI.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 1952/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Lê Phước Dũng

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Lê Phước Dũng

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản, đựng trong túi

Mã số mẫu/Sample code : 2.450

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 25/02/2026

Ngày phân tích/Analysing date : 25/02/2026

Tên mẫu/ Sample name <sup>(1)</sup>	Chỉ tiêu/ Parameters <sup>(1)</sup>	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Dịch tôm (MF1 Shrimp Peptide Extract) (BNNPTNT29260045173)-S	<i>Escherichia coli</i> (*)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	<i>Salmonella</i> spp. (*)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 28/02/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of 3K VI.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 1953/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Lê Phước Dũng

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Lê Phước Dũng

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản, đựng trong túi

Mã số mẫu/Sample code : 2.451

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 25/02/2026

Ngày phân tích/Analysing date : 25/02/2026

Tên mẫu/ Sample name <sup>(1)</sup>	Chỉ tiêu/ Parameters <sup>(1)</sup>	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Dịch cá (MF3 Fish Peptide Extract) (BNNPTNT29260045173)-H	Asen (As) tổng số (*)	mg/kg (LOQ=0;15)	KPH	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)
	Chì (Pb) (*)	mg/kg (LOQ=0;6)	<0,6	HDH-61 (Ref.TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015)
	Cadimi (Cd) (*)	mg/kg (LOQ=0;15)	0,83	HDH-61 (Ref.TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015)
	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/kg (LOQ=0;05)	KPH	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012)
	Ethoxyquin (*)	mg/kg (LOQ=0;1)	KPH	AOAC 996.13 (Sắc ký lỏng)

Cần Thơ, ngày/date: 28/02/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of 3K VI.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 1954/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Lê Phước Dũng

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Lê Phước Dũng

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản, đựng trong túi

Mã số mẫu/Sample code : 2.452

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 25/02/2026

Ngày phân tích/Analysing date : 25/02/2026

Tên mẫu/ Sample name <sup>(1)</sup>	Chỉ tiêu/ Parameters <sup>(1)</sup>	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Dịch cá (MF3 Fish Peptide Extract) (BNNPTNT29260045173)-S	<i>Escherichia coli</i> (*)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	<i>Salmonella</i> spp. (*)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 28/02/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of 3K VI.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.